

Số: 145 / BC-UBND

Tuy Phước, ngày 24 tháng 7 năm 2015

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI NĂM 2016

PHẦN I

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015

I. Phát triển kinh tế

1. Về phát triển kinh tế nông, lâm, thủy sản

- Giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản đạt 52,26% kế hoạch năm tăng 3,02% so với cùng kỳ, trong đó nông nghiệp tăng 2,61%, lâm nghiệp tăng 8,13%, thủy sản tăng 4,3% so với cùng kỳ.

- Đã hoàn thành chuyển đổi hoạt động theo Luật HTX năm 2012 của 16/16 HTXNN trên địa bàn, công tác quản lý vốn quỹ, quản lý tài chính HTX được tăng cường.

- Tập trung chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng các xã xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2015, đến nay 3 xã Phước Hưng, Phước Thành và Phước Nghĩa đã đạt 19/19 tiêu chí và đang hoàn thành thủ tục trình cấp có thẩm quyền công nhận, toàn huyện có 4/4 xã hoàn thành xây dựng nông thôn mới đạt 100% kế hoạch giai đoạn 2011-2015.

- Tổ chức công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và chống hạn năm 2014, triển khai kế hoạch phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn, chống hạn năm 2015. Tổ chức phân bổ và cấp kinh phí cấp bù thủy lợi kịp thời, đúng quy định.

2. Quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường

- Tăng cường xử lý, tháo gỡ các vấn đề tồn tại, vướng mắc về đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường trên địa bàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLAP cho hộ gia đình và cá nhân; tổ chức việc thu hồi đất, giao đất để triển khai các dự án trên địa bàn. Công tác quản lý tài nguyên môi trường và bảo vệ môi trường được tăng cường. Tập trung quyết liệt công tác giải phóng mặt bằng các công trình trọng điểm của huyện, đặc biệt các dự án nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A đoạn đi qua địa bàn huyện Tuy Phước, đến nay cơ bản thông tuyến và bàn giao mặt bằng mặt bằng để thi công dự án.

3. Về phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ

- Giá trị sản xuất công nghiệp, xây dựng đạt 47,29% kế hoạch năm và tăng 17,78% so cùng kỳ, riêng giá trị công nghiệp đạt 44,01% tăng 18,24% so cùng

kỳ. Hoạt động cụm công nghiệp Phước An đạt kết quả khá, đến nay đã có 20 doanh nghiệp thuê đất hoạt động sản xuất kinh doanh, chiếm 93,5% diện tích cụm, giá trị sản xuất công nghiệp cụm công nghiệp Phước An tăng 31,98% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng 26% trên tổng giá trị sản xuất công nghiệp địa bàn huyện.

- Giá trị sản xuất thương mại, dịch vụ đạt 58,28% kế hoạch năm, tăng 14,6% so cùng kỳ. Giá trị xuất khẩu ước đạt 12,964 triệu USD tăng 35,66% so cùng kỳ

4. Về tài chính, ngân sách, tín dụng

- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 65,92% kế hoạch tỉnh giao, đạt 53,5% kế hoạch của huyện tăng 50,95% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách địa phương đạt 70,12% kế hoạch của tỉnh, đạt 52,5% kế hoạch huyện và tăng 26,6% so cùng kỳ.

- Hoạt động tín dụng, ngân hàng tiếp tục có sự tăng trưởng, tổng dư nợ quỹ tín dụng nhân dân tăng 11,3%, tổng dư nợ ngân hàng NN & PTNT tăng 14,3% so với cùng kỳ.

5. Về quản lý đầu tư xây dựng, phát triển kết cấu hạ tầng

- Tiếp tục đẩy mạnh tiến độ thi công các dự án công trình, tổ chức bàn giao các công trình đưa vào sử dụng, khai thác, đồng thời tập trung chỉ đạo triển khai các công trình trọng điểm của huyện.

- Tổ chức tốt công tác thẩm tra, phê duyệt danh mục, kế hoạch phê duyệt danh mục kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn năm 2015. Tiếp tục đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp nước sạch cho nhân dân.

II. Về văn hóa xã hội

1. Về giáo dục đào tạo

Tập trung chỉ đạo đổi mới công tác quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục. Hoàn thành tổng kết năm học 2014-2015, tỷ lệ hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%, tốt nghiệp THCS đạt 99,54%, công tác phổ cập giáo dục được duy trì (phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi đạt 96,7%, THCS đạt 91,8% tăng 3%, Phổ thông trung học đạt 64,8% tăng 4,5% so với năm học 2013-2014): công tác xây dựng trường chuẩn quốc gia đạt 65,07%

2. Về y tế, dân số- kế hoạch hóa gia đình

Tiếp tục tăng cường công tác chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, các biện pháp phòng, chống dịch bệnh được tăng cường, không để xảy ra ô dịch. Tập trung chỉ đạo xây dựng xã, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế, chỉ đạo triển khai BHYT toàn dân đạt 68%/ dân số. Các hoạt động truyền thông dân số, kế hoạch hóa gia đình và chăm sóc sức khỏe sinh sản cho nhân dân được duy trì, tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên giảm so với cùng kỳ.

3. Về văn hóa, thông tin, thể thao và truyền thanh

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tăng cường, phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” được quan tâm chỉ đạo. Các hoạt động bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa có nhiều chuyển biến. Xây dựng hoàn thành dự thảo tập sách “Tuy Phước, lịch sử và văn hóa”. Công tác phát thanh, truyền thông đạt nhiều tiến bộ.

4. Về lao động, thương binh và xã hội

Các chính sách ưu đãi người có công được thực hiện kịp thời đúng quy định, tổ chức tốt các đợt lễ truy tặng danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng, thực hiện điều dưỡng người có công, cấp thẻ BHYT và các chế độ khác được quan tâm thực hiện. Công tác an sinh xã hội được chú trọng quan tâm. Hỗ trợ nhà sập, nhà hư hỏng nặng kịp thời. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm được duy trì thường xuyên.

III. VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHỐI NỘI CHÍNH

1. Về xây dựng chính quyền

- Tập trung củng cố tổ chức bộ máy, biên chế từ huyện đến cơ sở theo hướng chuẩn hóa đội ngũ CBCC nâng cao năng lực công tác. Các chế độ chính sách đổi mới CBCC được thực hiện đầy đủ đúng quy định.

- Công tác cải cách thủ tục hành chính có nhiều chuyển biến, việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng Izo 9001-2008 được duy trì thường xuyên, mức độ hài lòng của nhân dân ngày càng cao.

- Công tác thanh tra, kiểm tra chống tham nhũng tiếp tục thực hiện đúng quy định; công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo tiếp tục có nhiều tích cực; công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, trợ giúp pháp lý có nhiều cố gắng.

- Về quốc phòng – an ninh

Thực hiện tốt công tác trực sẵn sàng chiến đấu, công tác huấn luyện quân sự, giáo dục quốc phòng được triển khai đúng kế hoạch. Tập trung chỉ đạo công tác khám sức khỏe nghĩa vụ quân sự đợt 2 năm 2015 có nhiều cố gắng. Công tác phòng, chống tội phạm được tăng cường, số vụ phạm pháp hình sự, phạm phát kinh tế giảm so cùng kỳ. Tình hình an ninh, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

*** Đánh giá chung:**

Trong 6 tháng đầu năm 2015, nền kinh tế của huyện tiếp tục có sự tăng cường so với cùng kỳ, các hoạt động văn hóa, xã hội tiếp tục có tiến bộ. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện dự kiến thực hiện năm 2015 và kế hoạch 5 năm 2011-2015 cơ bản tăng trưởng, nâng cao và chất lượng tăng trưởng có sự bền vững. Các hoạt động bảo đảm an ninh xã hội và phúc lợi xã hội được bảo đảm kịp thời, sự hài lòng và tin tưởng của nhân dân ngày càng cao. Đời sống của nhân dân tiếp tục được cải thiện đáng kể. Công tác quốc phòng – an

ninh, trật tự an toàn, xã hội trên địa bàn huyện được giữ vững. Tổ chức bộ máy nhà nước và hoạt động bộ máy nhà nước có nhiều chuyển biến tích cực.

* Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những khó khăn, hạn chế như sau:

- Công tác quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên môi trường chưa hiệu quả: tình trạng còn chiếm đất đai, khai thác tài nguyên khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra và công tác kiểm tra xử lý còn chậm, lúng túng và không kịp thời. Công tác cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo dự án VLAP còn gặp vướng mắc chưa có biện pháp hiệu quả tháo gỡ. Hoạt động xâm hại nguồn lợi thủy hải sản còn diễn biến phức tạp, HTX NN sau chuyển đổi hoạt động theo luật HTX năm 2012 còn gặp khó khăn, lúng túng, hiệu quả kinh tế còn thấp. Công tác thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng triển khai thi công một số công trình còn chậm, gặp khó khăn, chưa bảo đảm tiến độ đề ra.

- Công tác phối hợp triển khai đầu tư trùng tu, tôn tạo một số di tích lịch sử văn hóa còn chậm, kế hoạch vốn đầu tư còn gặp nhiều khó khăn; tình trạng quá tải ở bệnh viện huyện còn xảy ra, chậm được khắc phục, cơ sở vật chất, thiết bị y tế và đội ngũ y bác sỹ ở cơ sở còn thiếu, chưa đáp ứng tốt nhu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân.

- Công tác cải cách hành chính chưa chuyển biến mạnh, giải quyết khiếu nại tố cáo còn 1 số vụ còn để kéo dài. Tình hình an ninh nông thôn và trật tự an toàn xã hội ở 1 số địa phương còn diễn biến phức tạp, tình hình tai nạn giao thông còn ở mức cao.

* Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế

Các tồn tại, hạn chế nêu trên có một số nguyên nhân do khách quan, về sự nhận thức, ý thức tự giác chấp hành pháp luật nhà nước của một số bộ phận nhân dân chưa cao, cơ chế, chính sách đền bù, bồi thường thiệt hại giải phóng mặt bằng chưa được tạo sự đồng thuận cao của nhân dân.. nhưng về chủ quan là do: công tác chỉ đạo điều hành của các cấp chính quyền ở một số mặt chưa toàn diện, chưa tập trung triệt để; việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao của một số phòng, ban thuộc huyện và UBND các xã, thị trấn chưa nghiêm túc, chưa thực hiện hết chức trách nhiệm vụ và thẩm quyền phân cấp. Công tác phối hợp xử lý các vướng mắc, bất cập chưa kịp thời, chưa chủ động; tinh thần trách nhiệm của một số CBCB, người đứng đầu ở một số ngành, địa phương trong thực thi công vụ chưa cao, đề xuất cấp thẩm huyện chỉ đạo, giải quyết, xử lý còn chậm.

IV. DỰ BÁO KHẢ NĂNG, KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2015 VÀ CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU TRONG 6 THÁNG CUỐI NĂM

1. Dự báo khả năng, kết quả thực hiện các nhiệm vụ, mục tiêu kế hoạch năm 2015

- Tổng sản phẩm địa phương (GDP) (giá cố định 1994): tăng 10,4%

Trong đó:

- + Giá trị tăng thêm các ngành gồm nông, lâm, thủy sản : tăng 3,8%
- + Công nghiệp- xây dựng: tăng 13%
- + Thương mại – dịch vụ : tăng 13,2%
 - Cơ cấu kinh tế: + Nông, lâm, thủy sản: 36%
 - + Công nghiệp – xây dựng: 23%
 - + Thương mại – dịch vụ: 41%
- Sản lượng lương thực có hạt: 104.520 tấn (trong đó sản lượng lúa đạt 101.865 tấn), bình quân lương thực đầu người: 566,4kg/ người/ năm
- Thu nhập bình quân đầu người/ năm: 32.100 ngàn đồng/ người/ năm
- Tổng thu ngân sách huyện: 193.248 triệu đồng đạt 139,98% kế hoạch của tỉnh giao và đạt 113,61% kế hoạch của huyện
- Tổng chi ngân sách huyện: 437.625 triệu đồng, đạt 147,14% kế hoạch tỉnh giao và đạt 104,31% kế hoạch của huyện;
- Giảm tỷ suất sinh: 0,2%
- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm còn 12,5%; có 12 xã, thị trấn đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế giai đoạn 2012-2020;
- Duy trì 13/13 trạm y tế có Bác sỹ;
- Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 70%;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 3,5% theo tiêu chí hiện hành;
- Tạo việc làm mới cho 1.500 lao động;
- Xây dựng thêm 2 trường đạt chuẩn quốc gia, tổng số trường trên địa bàn huyện đạt 65,07%;
- Tỷ lệ dân cư đô thị sử dụng nước sạch đạt 57%;
- Tỷ lệ dân cư nông thôn sử dụng nước hợp vệ sinh đạt trên 95%;
- Tỷ lệ thanh niên nhập ngũ đạt 100% chỉ tiêu tỉnh giao;
- Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

2. Những giải pháp chủ yếu nhằm hoàn thành kế hoạch 6 tháng cuối năm 2015

*** Về lĩnh vực kinh tế**

- Phát triển nông nghiệp gắn với đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới, chỉ đạo tốt công tác chăm sóc, thu hoạch vụ hè thu, triển khai thực hiện công tác phòng chống lụt bão, tìm kiếm cứu nạn năm 2015 và sản xuất vụ Đông - xuân 2015-2016. Tiếp tục đầu tư thực hiện hoàn thành các tiêu chí còn lại của 3 xã phấn đấu hoàn thành nông thôn mới năm 2015, đạt kế hoạch tỉnh giao. Tăng

cường quản lý nhà nước về đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường, tổ chức tốt việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nhân dân.

- Đẩy nhanh phát triển công nghiệp, thương mại – dịch vụ, thu hút đầu tư. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện xây dựng, phát triển các khu đô thị, các chợ trong hệ thống đã được quy hoạch. Tăng cường các nguồn lực cho đầu tư phát triển; tiếp tục giải quyết những vướng mắc, tồn tại về giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ xây dựng, tiến độ giải ngân các công trình trọng điểm và các công trình khác trên địa bàn huyện. Tập trung chỉ đạo các xã, thị trấn đẩy mạnh công tác đầu tư, thi công chương trình kiên cố hóa kênh mương, bê tông giao thông nông thôn đã được UBND tỉnh phê duyệt, tích cực giải quyết tình hình nợ đọng xây dựng cơ bản và quyết toán dự án đầu tư hoàn thành.

- Tập trung hoàn thành kế hoạch thu chi ngân sách nhà nước sản đảm bảo vượt kế hoạch tỉnh giao và kế hoạch của huyện đề ra. Triển khai mạnh các giải pháp huy động, tăng thu ngân sách để tăng chi cho đầu tư phát triển và các nhu cầu bức xúc của địa phương. Đẩy mạnh công tác thu nợ đọng thuế và các khoản thu phát sinh (vãng lai), nhất là các dự án đầu tư, cung cấp thiết bị trên địa bàn huyện. Thực hiện tốt công tác kiểm soát chi thực hành tiết kiệm ngân sách; tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động và tăng trưởng quỹ tín dụng nhân dân và các ngân hàng.

*** Về văn hóa – xã hội**

- Tiếp tục nâng cao chất lượng và đẩy mạnh xã hội hoá trên các lĩnh vực văn hóa – xã hội. Tăng cường quản lý giáo dục và đào tạo, tập trung triển khai chương trình hành động số 20/CTr-TU ngày 25/7/2014 của Tỉnh ủy Bình Định thực hiện Nghị quyết hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (Khóa XI) về “ Đổi mới căn bản, toàn diện về giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu CNH-HĐH trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”

- Tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, kế hoạch hóa gia đình; duy trì và thực hiện tốt y tế dự phòng, phòng ngừa dịch bệnh. Thực hiện tốt công tác dân số kế hoạch hóa gia đình nhằm nâng cao chất lượng dân số.

- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa, thông tin, thể thao, nâng cao chất lượng phong trào “ Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” ở cơ sở, phấn đấu nâng cao tỷ lệ “ thôn văn hóa” đạt 79,2%, “ Gia đình văn hóa” đạt 95,5%, xây dựng 3 xã đạt chuẩn “ Văn hóa nông thôn mới” và một thị trấn đạt chuẩn “ Văn minh đô thị” . Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và hệ thống văn phòng điện tử.

- Triển khai thực hiện công tác bảo đảm an sinh xã hội, giải quyết kịp thời, đúng chế độ các đối tượng có công với nước, các đối tượng bảo trợ xã hội và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, đẩy mạnh công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm, công tác giảm nghèo. Chống các tệ nạn xã hội; tiếp tục triển khai BHYT toàn dân phấn đấu đạt 70%.

3. Về xây dựng chính quyền và công tác nội chính

Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị từ huyện đến cơ sở, đề cao trách nhiệm của người đứng đầu và năng lực thi hành công vụ của cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “ một cửa”, phát huy quy chế dân chủ cơ sở. Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật.

Tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Tập trung giải quyết kịp thời; đúng chính sách, pháp luật các khiếu nại, tố cáo của công dân, tích cực giải quyết các vụ việc tồn đọng, không để xảy ra điểm nóng, khiếu nại đông người, vượt cấp kéo dài. Tiếp tục đổi mới nội dung và phương pháp chỉ đạo điều hành của UBND huyện.

Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững trật tự an toàn xã hội. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, kế hoạch về quốc phòng, an ninh, phòng chống tội phạm, giao quân đạt chỉ tiêu tỉnh giao, chủ động đấu tranh các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và tăng cường công tác an toàn giao thông.

PHẦN II

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NĂM 2016

1. Những thuận lợi, khó khăn và thách thức bước vào kế hoạch năm 2016

- Năm 2016 với nhiều tác động tích cực của những chủ trương chính sách, sự điều hành kinh tế vĩ mô của chính phủ, trọng tâm là việc thực hiện 03 khâu đột phá lớn giai đoạn 2010-2015 đã đem lại những thành tựu, kết quả quan trọng đến sự phát triển KT-XH cả nước nói chung và kinh tế huyện nói riêng, tuy nhiên, bước vào thực hiện các nhiệm vụ năm 2016, huyện sẽ đối diện nhiều khó khăn, thách thức: Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn chậm do hoạt động doanh nghiệp còn gặp nhiều thách thức, quy mô sản xuất còn hạn chế, thị trường và đầu ra sản phẩm còn gặp nhiều khó khăn; cơ sở hạ tầng trên các lĩnh vực còn yếu kém; thiên tai, bão lụt, hạn hán thường xuyên xảy ra, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi còn diễn biến khó lường đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất và đời sống của nhân dân.

2. Dự kiến các chỉ tiêu chủ yếu năm 2016

2.1 Trên lĩnh vực kinh tế:

- Tổng giá trị sản xuất các ngành kinh tế chủ yếu tăng (giá so sánh 2010): tăng 8,6%

Trong đó:

- + Nông, lâm, thủy sản : tăng 4%
- + Công nghiệp, xây dựng : tăng 10,3%
- + Thương mại, dịch vụ : tăng 10,3%

- Cơ cấu kinh tế theo giá trị sản xuất (giá thực tế)
- + Nông, lâm, thủy sản ; 32,5%
- + Công nghiệp, xây dựng và dịch vụ : 67,5%
- Sản lượng lương thực có hạt : 104.000 tấn- Tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn : 180.000 triệu đồng

2.2 Các chỉ tiêu xã hội

- Xây dựng 01 trường đạt chuẩn quốc gia;
- Giảm tỷ suất sinh 0,2‰
- Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm còn 11,7%
- Xây dựng 1 xã còn lại đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế (Năm 2016 toàn huyện đạt 100% số xã, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế)
- Duy trì trạm y tế 13 xã, thị trấn có Bác sỹ
- Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt 72%
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo 1%
- Tạo việc làm mới cho 1.500 lao động

3. Những nhiệm vụ chủ yếu kế hoạch năm 2016

- Giữ vững kết quả sản xuất nông, lâm, thủy sản, mở rộng mô hình cánh đồng mẫu lớn, tăng cường đầu tư các xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;
- Xúc tiến kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế đầu tư sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, dịch vụ... nhằm tạo ra giá trị sản xuất qui mô lớn thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực.
- Hoàn thành vượt mức kế hoạch tăng thu ngân sách để tăng cường nguồn vốn đầu tư phát triển và phát triển kinh tế-xã hội của huyện.
- Tranh thủ các nguồn vốn cấp trên, cùng với nguồn vốn huyện, xã, thị trấn tập trung đầu tư các công trình trọng điểm, bức xúc của huyện như: nâng cấp, mở rộng DT 640 đoạn từ ngã ba cầu Ông Đô (Quốc lộ 1A) đến cuối thị trấn Tuy Phước, sân vận động huyện, nhà thờ danh nhân Đào Tấn, chợ Gò Bồi (Phước Hòa), các công trình Đê sông, Đê biển, điện nông thôn, cơ sở giáo dục...
- Tăng cường công tác quản lý đất đai, tài nguyên khoáng sản và bảo vệ môi trường
- Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa thể thao, thực hiện chính sách người có công, các đối tượng bảo trợ xã hội, công tác giảm nghèo, an sinh xã hội và y tế..
- Đảm bảo ổn định chính trị, giữ vững quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội.

4. Những định hướng phát triển

- Thúc đẩy tăng trưởng giá trị sản xuất các ngành kinh tế tăng 8,6%; tập trung mục tiêu, giải pháp kinh tế công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nhằm chuyển mạnh cơ cấu kinh tế của huyện theo hướng tăng nhanh giá trị sản xuất công nghiệp, thương mại, dịch vụ phù hợp với quy hoạch mở rộng không gian thành phố Quy Nhơn và vùng phụ cận đến năm 2035 tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 459/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ

- Trên cơ sở Quyết định số 495/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, huyện Tuy Phước là vùng phụ cận thành phố Quy Nhơn kiến nghị tỉnh Bình Định định hướng phát triển giai đoạn tiếp theo với những chiến lược, kế hoạch sau đây:

+ Định hướng phát triển Đô thị Diêu Trì là đô thị hạt nhân phía tây thành phố Quy Nhơn với các chức năng làm đầu mối giao thông, trung tâm giao lưu thương mại, dịch vụ tài chính - ngân hàng... và định hướng Đô thị Tuy Phước là đô thị huyện lỵ Tuy Phước, phát triển không gian gắn với đô thị Diêu Trì cung cấp các dịch vụ hành chính, nhà ở, dịch vụ an sinh xã hội, trung tâm hỗ trợ ứng dụng công nghệ tiên tiến vào sản xuất nông nghiệp. Phát triển cụm Logistis tại khu vực cầu Gành (Phước Lộc) là tiền cảng của cảng Quy Nhơn, giao điểm của các trục giao thông quan trọng như đường sắt Bắc-Nam, quốc lộ 1A, quốc lộ 19 kết nối Bắc Nam đi Quảng Ngãi và Phú Yên, kết nối Đông Tây đi Pleiku - vùng Tây Nguyên ra biển đông; gắn kết với tuyến công nghiệp Nam quốc lộ 19, hình thành điểm dân cư tập trung xã Phước Lộc.

+ Định hướng phát triển xã Phước Sơn, Phước Hòa, huyện Tuy Phước cung cấp dịch vụ sản xuất nông nghiệp công nghệ cao và dịch vụ du lịch sinh thái khu dân cư đầm Thị Nại, xây dựng mô hình xã Phước An, Phước Thành mô hình làng nông thôn gắn với hoạt động kinh tế trang trại, cây công nghiệp, trang trại chăn nuôi, khu chế biến nông sản, khu dịch vụ công nghiệp Logistis... xây dựng đô thị thị trấn Tuy Phước và các trung tâm xã bằng cách cải tạo và nâng cấp các chợ truyền thống, phát triển mở rộng các chợ đầu mối thu mua nông sản, trung tâm mua sắm - thương mại dịch vụ tổng hợp vừa và nhỏ.

+ Định hướng phát triển giao thông, nâng cấp các tuyến đường tỉnh đi qua huyện Tuy Phước đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng, trong đó đầu tư đường tỉnh lộ DT640 xây dựng hệ thống cầu cạn vượt lũ các khu vực được xác định là hành lang thoát lũ. Nâng cấp các tuyến đường huyện hiện có lên tiêu chuẩn cấp IV đồng bằng.

- Thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông nghiệp gắn với việc đầu tư xây dựng các tiêu chí xây dựng nông thôn mới 7 xã còn lại của huyện giai đoạn 2016-2020

- Thúc đẩy tăng trưởng công nghiệp - xây dựng và thương mại dịch vụ nhằm tăng giá trị sản xuất, góp phần chuyển đổi cơ cấu huyện theo hướng tăng nhanh giá trị công nghiệp - xây dựng và thương mại - dịch vụ, phát huy nội lực đồng thời tranh thủ các nguồn vốn doanh nghiệp vì nguồn huy động nhân dân đầu tư các công trình trọng điểm của huyện nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ

thuật, hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị, nông thôn nhằm tạo động lực phát triển toàn diện và bền vững.

- Tăng cường các hoạt động quản lý, khai thác tăng nguồn thu ngân sách, tập trung nguồn lực đầu tư phát triển và các nguồn thu bảo đảm cho nhu cầu phát triển KT-XH địa phương

- Triển khai thực hiện tốt các hoạt động văn hóa, xã hội nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả trên các lĩnh vực tạo sự phát triển mới và bền vững, đáp ứng tốt nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân.

5. Những giải pháp chủ yếu của kế hoạch năm 2016

5.1 Trên lĩnh vực kinh tế

- Về phát triển nông, lâm, thủy sản, phát triển HTXNN và xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nông, lâm, thủy sản 4%, mở rộng mô hình sản xuất lúa trên cánh đồng mẫu lớn gắn với ứng dụng khoa học công nghệ và sản xuất; nâng cao chất lượng, hiệu quả các loại cây trồng, vật nuôi, đầu tư mở rộng hình thức chăn nuôi trang trại, gia trại, tăng quy mô đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn huyện. Hướng dẫn ngư dân tiếp tục thực hiện nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiệu quả kinh tế, sản xuất đúng lịch thời vụ, áp dụng các mô hình nuôi xen, đa dạng sản phẩm ngư nghiệp; tiếp tục phát triển trồng rừng và bảo vệ rừng. Chỉ đạo củng cố các HTX NN, phấn đấu tăng năng lực vốn kinh doanh, hoạt động có lãi. Triển khai các HTX hoạt động theo luật HTX năm 2012, tập trung đầu tư xây dựng các xã nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020.

- Đẩy mạnh phát triển công nghiệp – xây dựng, phấn đấu tốc độ tăng giá trị sản xuất đạt 10,3%, tăng thương mại – dịch vụ 10,3%, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Tăng cường đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng Cụm CN Phước An, kêu gọi thu hút các doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh. Tổ chức quy hoạch các điểm công nghiệp – dịch vụ khác ngoài cụm công nghiệp Phước An ở các địa bàn xã, thị trấn có điều kiện, khuyến khích các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế mở rộng đầu tư, quy mô sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục đầu tư các chợ trong hệ thống chợ trên địa bàn huyện đã được tỉnh phê duyệt, đẩy mạnh hoạt động thương mại, dịch vụ tạo môi trường kinh doanh thuận lợi và tiêu thụ sản phẩm.

- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp huy động các nguồn thu vào ngân sách nhà nước, phấn đấu thu vượt chỉ tiêu tỉnh giao 10%. Chủ động khai thác nguồn thu, quản lý thu theo quy định của pháp luật; phát triển nguồn thu tiền sử dụng đất để đầu tư phát triển các công trình trọng điểm của huyện và các nhu cầu tăng chi cho phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh của địa phương. Tăng cường công tác thu nợ đọng thuế, thực hiện các biện pháp cưỡng chế theo Luật quản lý thuế hiện hành. Thực hiện chi ngân sách hiệu quả, tiết kiệm.

- Tiếp tục đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật phục vụ cho việc CNH- HĐH nông nghiệp nông thôn.

- Tổ chức triển khai các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, tổ chức nghiên cứu bổ sung, điều chỉnh các quy hoạch để nâng cao chất lượng quy hoạch và phù hợp yêu cầu phát triển mới, nhất là quy hoạch mở rộng không gian vùng phụ cận thành phố Quy Nhơn đến năm 2035 và tầm nhìn đến năm 2050 theo Quyết định số 495/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Gắn thực hiện quy hoạch với đầu tư cơ sở hạ tầng, các khu chức năng phát triển đô thị thị trấn Diêu Trì, thị trấn Tuy Phước và xây dựng Trung tâm xã Phước Hòa, Phước Lộc đủ điều kiện phát triển lên đô thị loại V, phấn đấu nâng tỷ lệ phát triển đô thị đạt 38%

- Tiếp tục triển khai các công trình trọng điểm của huyện như DT640, nhà thờ danh nhân Đào Tấn, các công trình hạ tầng giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội, các công trình Đê sông, Đê biển, điện nông thôn.. nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển KT-XH của địa phương.

5.2. Trên lĩnh vực xã hội

- Thực hiện có hiệu quả công tác “ Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế”. Đổi mới công tác quản lý giáo dục trong nhà trường, nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý đáp ứng với nhu cầu phát triển mới giáo dục đào tạo.

- Triển khai thực hiện tốt “ Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước”; nâng cao chất lượng phong trào “ Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”. Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức xã hội về đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước, giáo dục truyền thống cách mạng, giá trị lịch sử, giá trị văn hóa dân tộc, phát động phong trào thi đua yêu nước hoàn thành các mục tiêu KT-XH và giữ vững quốc phòng – an ninh. Tiếp tục đầu tư, trùng tu, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hóa; đẩy mạnh công tác ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước.

- Tăng cường chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, thực hiện tốt chương trình mục tiêu quốc gia về y tế, công tác dân số, sức khỏe sinh sản, y tế dự phòng, kiểm soát dịch bệnh. Phấn đấu 100% xã, thị trấn đạt Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế.

- Tập trung đẩy mạnh các phong trào “ Đền ơn đáp nghĩa”, chăm sóc tốt người có công với nước, gia đình thương binh, liệt sỹ, các đối tượng chính sách xã hội. Triển khai thực hiện chương trình quốc gia về giải quyết việc làm, phấn đấu tạo làm mới cho 1.500 lao động; tích cực thực hiện công tác giảm nghèo đạt tỷ lệ 1%.

5.3 Về xây dựng chính quyền và công tác nội chính

- Triển khai thực hiện tốt “ Chiến lược bảo vệ tổ quốc trong tình hình mới”; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế

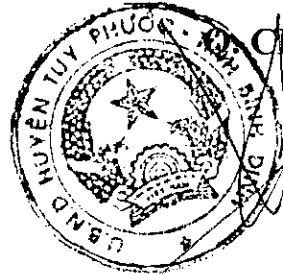
trận an ninh Nhân dân. Xây dựng các lực lượng bảo đảm khả năng sẵn sàng chiến đấu, chủ động phòng, chống tội phạm, bảo đảm quốc phòng – an ninh; giao quân đạt chỉ tiêu tình giao.

- Tiếp tục công tác cải cách thủ tục hành chính từ huyện đến cơ sở, xây dựng bộ máy nhà nước năng lực, hiệu quả, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân. Tích cực giải quyết tốt các khiếu nại của nhân dân kịp thời, đúng pháp luật. Tiếp tục triển khai chương trình công tác tư pháp và kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật. Triển khai có hiệu quả công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

UOL

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/cáo);
- Sở KH & ĐT (b/cáo);
- Thường trực huyện ủy;
- Thường trực UBND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- Các phòng, ban huyện;
- Lãnh đạo VP, CVVP;
- Lưu: VT.



TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

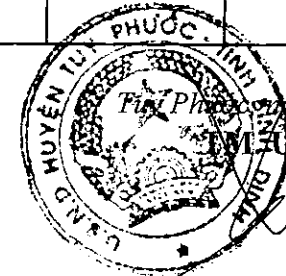
CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUY HOẠCH

Đvt: Triệu đồng

TT	Nội dung	Cấp phê duyệt	Thời gian bắt đầu- kết thúc	Tổng dự toán được duyệt	Năm 2015		Kế hoạch năm 2016		
					Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm	Tổng số	Trong đó	
								Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
TỔNG SỐ									
I	Dự án quy hoạch chuyển tiết								
1	Quy hoạch Trung tâm hành chính	UBND huyện	2014-2015	250	150	250			
2	Quy hoạch Khu dân cư và chợ Gò Bồi	UBND huyện	2014-2015	250	150	250			
II	Dự án quy hoạch triển khai mới								
1	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 Đông - Bắc Gò Bồi	UBND huyện	2015-2016				200	200	
2	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 Đông Kỳ Sơn (Phước Sơn)	UBND huyện	2015-2016				200	200	
3	Quy hoạch tỷ lệ 1/500 Đông - Nam thị trấn Diêu Trì	UBND huyện	2015-2016				200	200	



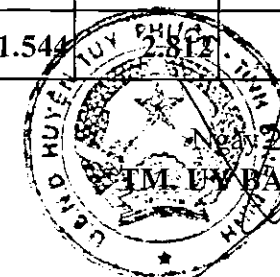
Ngày tháng năm 2015
Ủy ban nhân dân
Q. CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CHỈ TIÊU THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

STT	Tên chương trình mục tiêu quốc gia	Đơn vị tính	Năm 2014			Năm 2015				Kế hoạch năm 2016	Ghi chú
			Kế hoạch	Thực hiện	% so với KH	Kế hoạch	Ước TH 6 tháng	Ước TH cả năm	% so với KH		
1	Chương trình MTQG nông thôn mới (00390-00391)	Triệu đồng	4.545	2.000	44	2.724	1.500	2.724	100	4.000	
2	Chương trình MTQG các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang (00017)	Triệu đồng	332		0	0		0			
3	Chương trình MTQG hỗ trợ GD mầm non 5 tuổi, xóa mù (00118)	Triệu đồng	159	60	38	60	30	60	100	60	
4	Chương trình MTQG hỗ trợ GD PC THCS (00111)	Triệu đồng	185		0	0		0		40	
5	Chương trình MTQG hỗ trợ GD PC THCS (00121)	Triệu đồng	6		0	0		0		40	
6	Chương trình MTQG không có tệ nạn ma túy (00156)	Triệu đồng	10	10	100	10	5	10	100	10	
7	Chương trình MTQG nâng cao hiệu quả cai nghiện ma túy (Triệu đồng	8	8	100	8	4	8	100	8	
8	Chương trình MTQG giáo dục tuyên truyền giám sát cai nghiện ma túy (00143)	Triệu đồng	10	10	100	10	5	10	100	10	
	Tổng cộng		5.254	2.088		2.812	1.544			4.168	



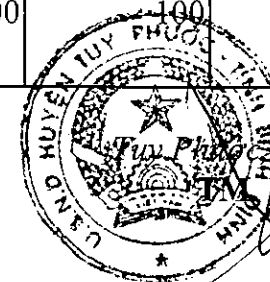
Ngày 21 tháng 7 năm 2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN
Q. CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2014	Năm 2015			Kế hoạch 2016	Ước thực hiện 2015 so với thực hiện 2014 (%)	Kế hoạch 2016 do với ước thực hiện 2015 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
1	Tỷ lệ chất thải rắn ở đô thị được thu gom	%	65	70	70	70	75	108	107
2	Số cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định 64/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng được xử lý	%	0	0	0	0	0	-	-
3	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động	khu	1	1	1	1	1	100	100
4	Số khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	khu	1	1	1	1	1	100	100
5	Tỷ lệ khu công nghiệp, khu chế xuất đang hoạt động có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	%	100	100	100	100	100	100	100



ngày tháng 7 năm 2015

ỦY BAN NHÂN DÂN
Q. CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP VÀ KINH TẾ TẬP THỂ

T T	Chỉ tiêu	Đơn vị	Thực hiện 2014	Năm 2015			Kế hoạch 2016	Ước thực hiện 2015 so với thực hiện 2014 (%)	Kế hoạch 2016 do với ước thực hiện 2015 (%)
				Kế hoạch	Ước thực hiện 6 tháng	Ước thực hiện cả năm			
1	2	3	4	5	6	7	8	9=7/4	10=8/7
A	PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP								
I	Doanh nghiệp Nhà nước (DNNN)								
1	Số DNNN đang hoạt động	DN							
	<i>Trong đó: - Doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước - Doanh nghiệp > 50% vốn Nhà nước</i>	DN							
2	Số DNNN cổ phần hóa	DN							
3	Số DNNN thực hiện hình thức sắp xếp khác (thoái vốn, giao bán, hợp nhất, giải thể, phá sản...)	DN							
4	Tổng vốn chủ sở hữu tại doanh nghiệp	Triệu đồng							
5	Tổng vốn điều lệ	Triệu đồng							
6	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng							
II	Doanh nghiệp ngoài Nhà nước								
1	Số Doanh nghiệp đang hoạt động lũy kế đến kỳ báo cáo	DN	252	260	255	260	270	103,2	103,8
2	Số Doanh nghiệp kinh doanh có lãi	DN	198	210	205	210	215	106,1	102,4
3	Số lao động trong doanh nghiệp	Người	5.720	5.900	5.800	5.900	6.500	103,1	110,2
	<i>Trong đó lao động nữ</i>	Người	2.298	2.500	2.400	2.500	2.550	108,8	102,0
4	Thu nhập bình quân người lao động	Triệu đồng	3,40	3,20	3,40	3,40	3,70	100,0	108,8

5	Tổng vốn đầu tư thực hiện	Triệu đồng	528.000	550.000	540.000	550.000	528.000	104,2	96,0
6	Doanh thu thuần	Triệu đồng	4.163.000	4.500.000	4.300.000	4.500.000	3.485.000	108,1	77,4
7	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	49.956	54.952	32.971	55.501	62.645	111,1	112,9
8	Đóng góp ngân sách	Triệu đồng	9.991	10.990	6.594	11.100	12.529	111,1	112,9
9	Tổng ngân sách thực hiện các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn	Triệu đồng							
B PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ									
1	Tổng số hợp tác xã	HTX	16	16	16	16	16	100,0	100,0
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	HTX	<i>không</i>						
2	Tổng số Liên hiệp hợp tác xã	LHHTX	0	0	0	0	0		
	<i>Trong đó: thành lập mới</i>	LHHTX							
3	Tổng số xã viên hợp tác xã	Người	97.119,00	97.119	97.119	97.119	97.119	100,0	100,0
	<i>Trong đó: xã viên mới</i>	Người							
4	Tổng doanh thu hợp tác xã	Triệu đồng	84.500	86.000	85.000	86.000	87.000	101,8	103,0
	<i>Trong đó: doanh thu cung ứng cho xã viên</i>	Triệu đồng	59.150	60.200	59.500	60.200	60.900	101,8	103,0
5	Tổng số lãi trước thuế của hợp tác xã	Triệu đồng	1.960	2.000	1.970	2.010	2.100	102,6	107,1
6	Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã	Người	143	143	143	143	143	100,0	100,0
	<i>Trong đó: + Số có trình độ trung cấp, cao đẳng</i>	Người	17	20	18	20	25	117,6	147,1
	<i>+ Số có trình độ Đại học trở lên</i>	Người	15	17	17	17	21	113,3	140,0
7	Tổng số lao động trong HTX	Người	160	160	160	160	165	100,0	103,1
	<i>Trong đó: tổng số lao động là xã viên HTX</i>	Người	17	17	17	17	22	100,0	129,4
8	Thu nhập bình quân một người lao động của HTX/năm	Triệu đồng	30.100	32.100		35.000		106,6	116,3



ngày tháng 7 năm 2015

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

Q. CHỦ TỊCH

Trần Hữu Lộc